

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BTKT CAO HỌC

Ngành: KHOA HỌC MÁY TÍNH - HTTT - TTNT K32 - K33 - K34

Mã môn học: _____ Khóa: Tháng 09/2024
Tên môn học: CÁC THUẬT TOÁN THÔNG MINH NHÂN TẠO VÀ ỨNG DỤNG Số tiết: 60
Ngày thi: 18g00 ngày 12/02/2025 Phòng thi F203
Giảng viên phụ trách môn học: ThS. PHẠM TRỌNG NGHĨA
Cán bộ coi thi: Tôn Nữ Minh Tâm, Quách Ngọc Mai

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	MÃ SỐ HV/ SỐ CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (50 %)	Cuối kỳ (50 %)	Điểm TB
1	091200011432	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	09/04/2000	Kiên Giang	2		9.5	6.5	8.0
2	054095004814	Phan Đình Duy	21/01/1995	Phú Yên					
3	079095004862	Nguyễn Đặng Minh Huy	30/07/1995	TP. HCM	1		2.5	1.0	1.8
4	051200005192	Võ Nguyên Khôi	17/08/2000	Quảng Ngãi	1		10.0	8.0	9.0
5	079200007010	Hà Minh Khôi	22/11/2000	TP. HCM	2		8.8	6.0	7.4
6	077197002773	Nguyễn Vũ Ngọc Phương	20/03/1997	BR - VT	3		9.0	5.0	7.0
7	052096007313	Nguyễn Tấn Thanh	18/07/1996	Bình Định					
8	049088000093	Nguyễn Văn Trân	05/06/1988	Quảng Nam	1		9.6	6.0	7.8
9	079086000631	Phan Châu Minh Trường	03/01/1986	TP. HCM	1		10.0	5.0	7.5
10	060093012621	Nguyễn Anh Vũ	11/03/1993	Tiền Giang	1		9.8	5.0	7.4
11	19C11017	Diêu Tiến Đạt	04/09/1996	Quảng Bình					
12	21C11035	Nguyễn Đức Thuận	12/11/1988	Đà Nẵng	2		9.8	4.5	7.2
13	23C11016	Vương Trần Trí Anh	17/08/1999	TP. HCM	1		8.8	4.5	6.7
14	23C11048	Nguyễn Hoàng Thanh	26/07/2001	Quảng Ngãi	2		10.0	8.0	9.0
15	23C11054	Nguyễn Khắc Toàn	03/06/2000	Đắk Lắk	2		9.8	6.5	8.2
16	23C15019	Nguyễn Đình Thiên Ân	20/08/2000	TP. HCM	2		10.0	6.5	8.3
17	23C15031	Nguyễn Hữu Lộc	14/06/1996	TP. HCM	2		9.5	5.5	7.5
18	23C15037	Bùi Trọng Quý	25/01/2000	Lâm Đồng	2		9.4	3.5	6.5
19	23C15038	Nguyễn Hữu Minh Trí	01/07/1997	TP.HCM					

STT	MÃ SỐ HV/ Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
20	24C11014	Ủ Cao Kỳ	Long	07/10/2000	TP. HCM	2		8.9	4.5	6.7
21	24C11036	Phạm Hoàng	Vũ	18/01/1995	TP. HCM	2		9.6	5.0	7.3
22	24C12002	Bùi Nguyên Quốc	Bảo	10/12/2001	Quảng Ngãi	2		10.0	8.5	9.3
23	24C12016	Dương Lê Thanh	Trúc	09/05/2001	Bến Tre	2		10.0	4.5	7.3
24	24C15002	Nguyễn Duy	Anh	20/11/1992	TP. HCM	1		10.0	7.0	8.5
25	24C15007	Phạm Quốc Duy	Hưng	15/11/2001	Khánh Hòa	1		10.0	6.0	8.0
26	24C15010	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	08/09/2001	TP. HCM	1		9.2	2.5	5.9
27	24C15015	Hồ Thị Yến	Nhi	07/06/1999	Tiền Giang	2		9.8	6.5	8.2

TP. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2025
Cán bộ chấm thi

Phạm Trọng Nghĩa